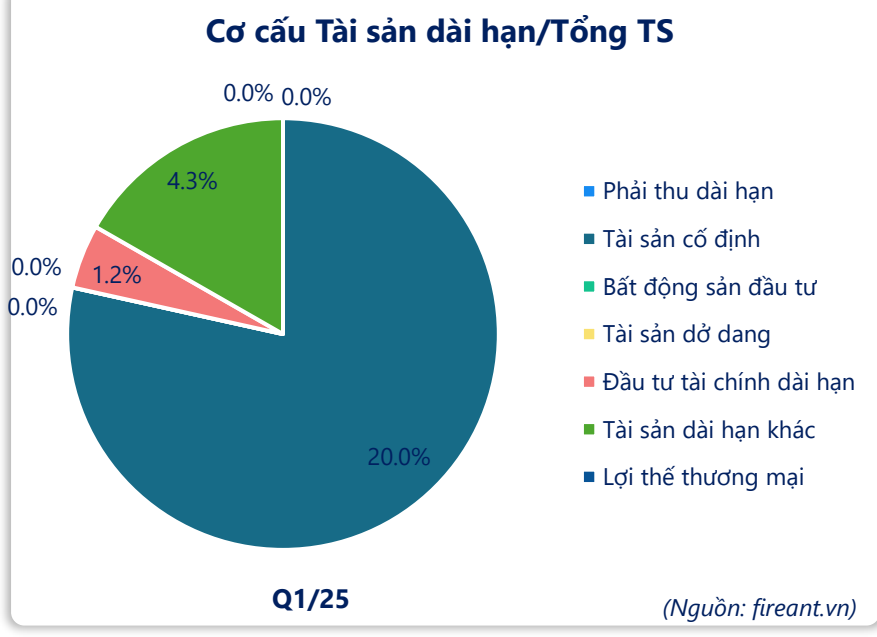
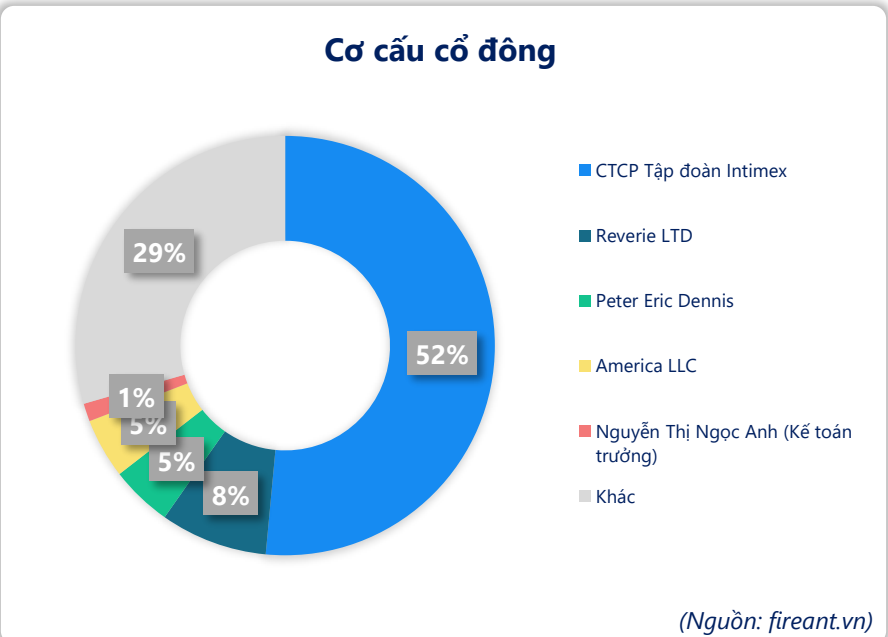
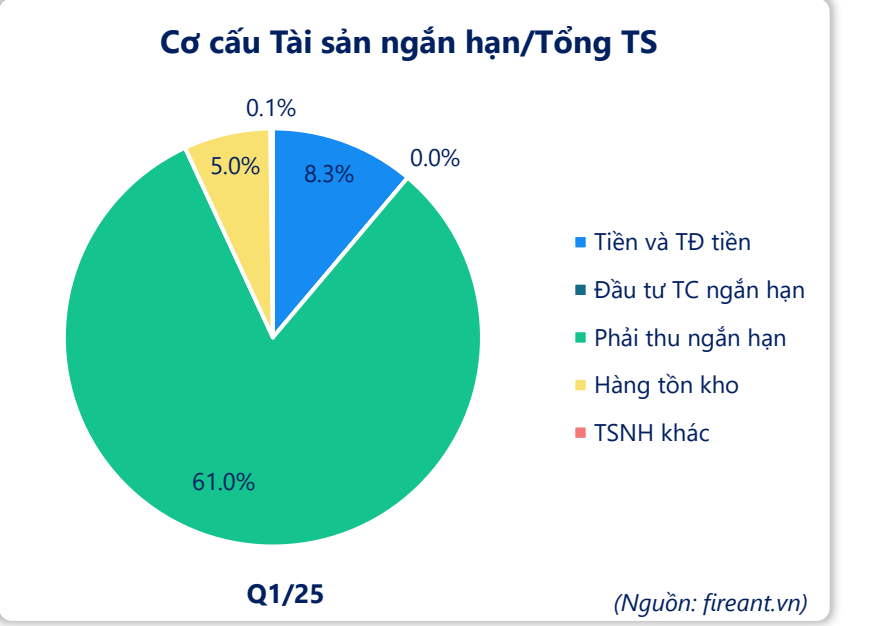
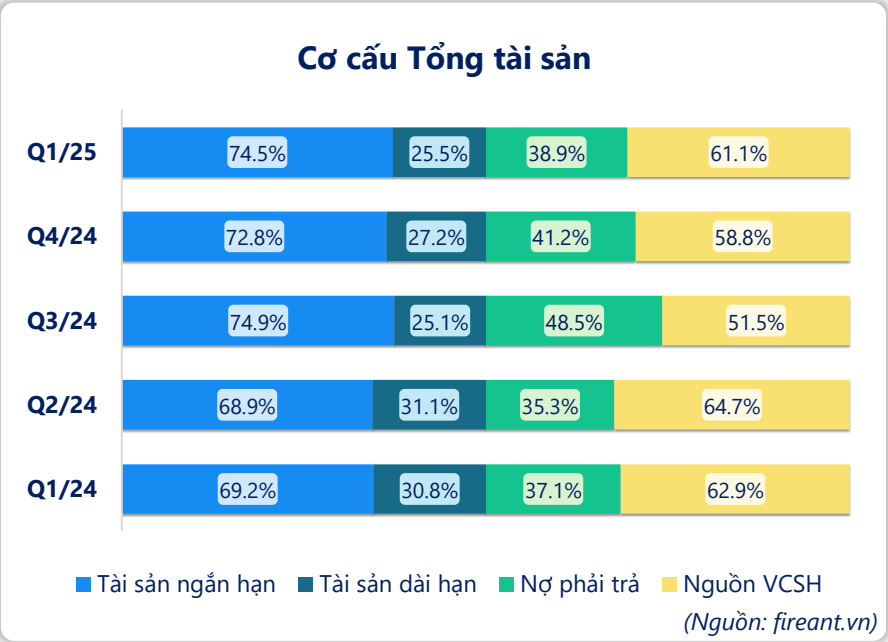
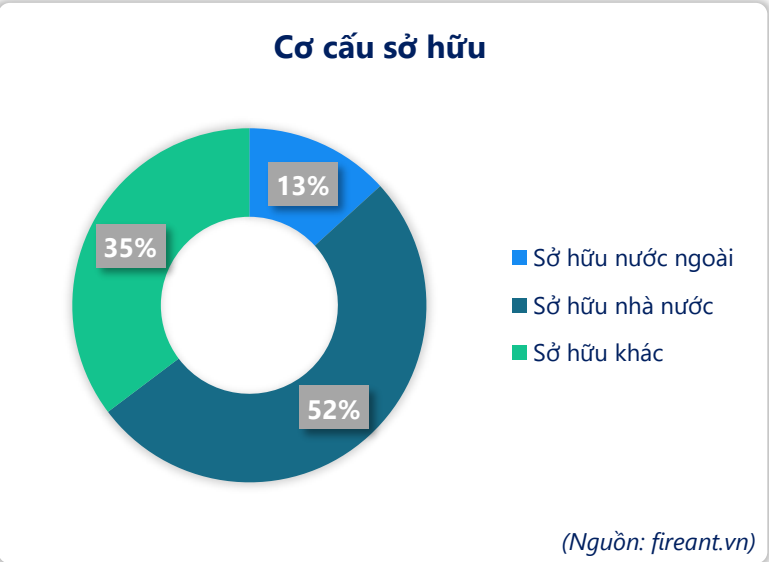
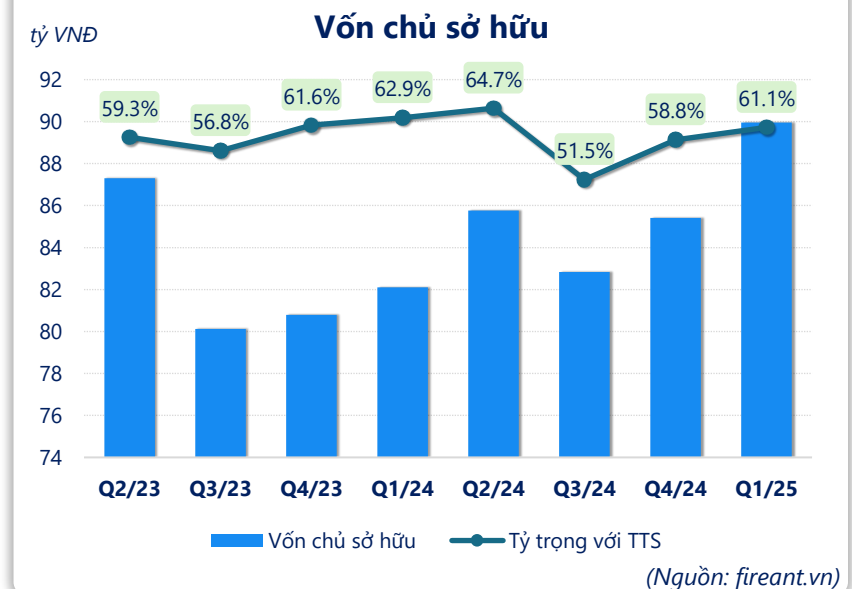
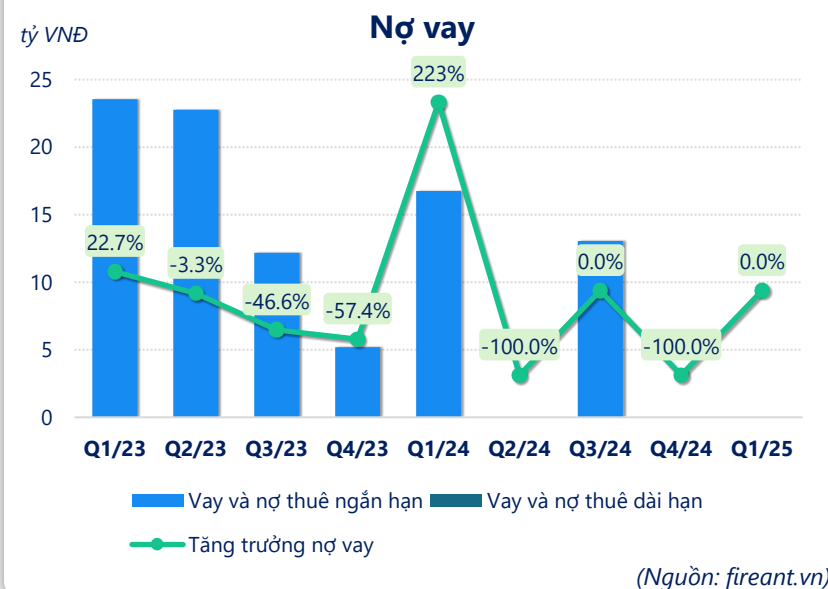
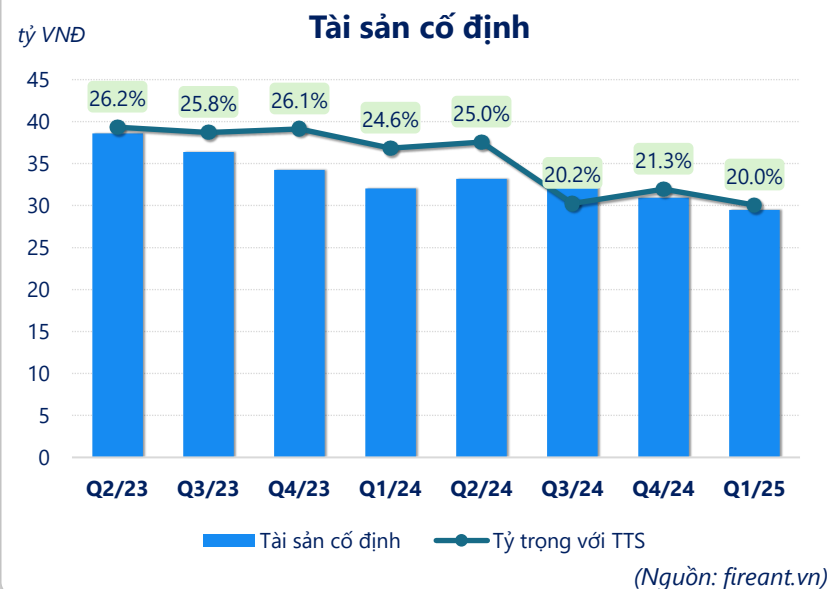
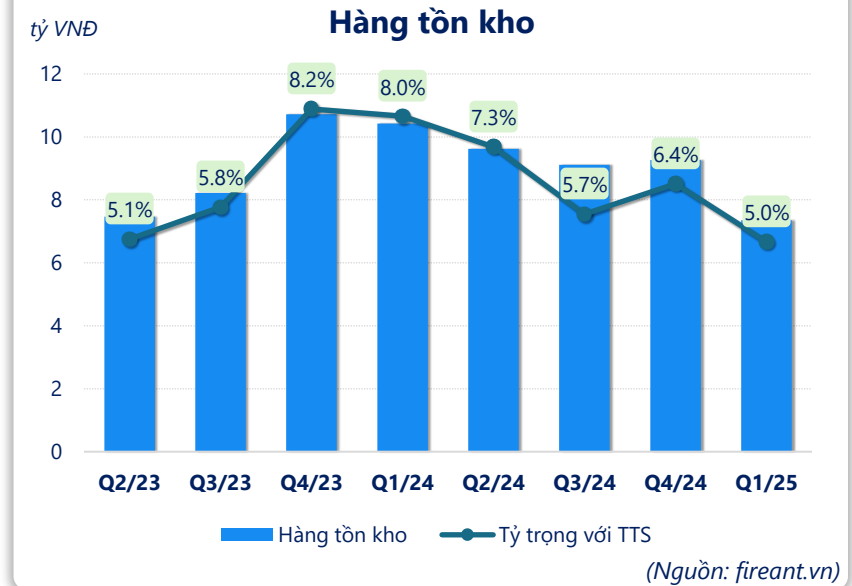
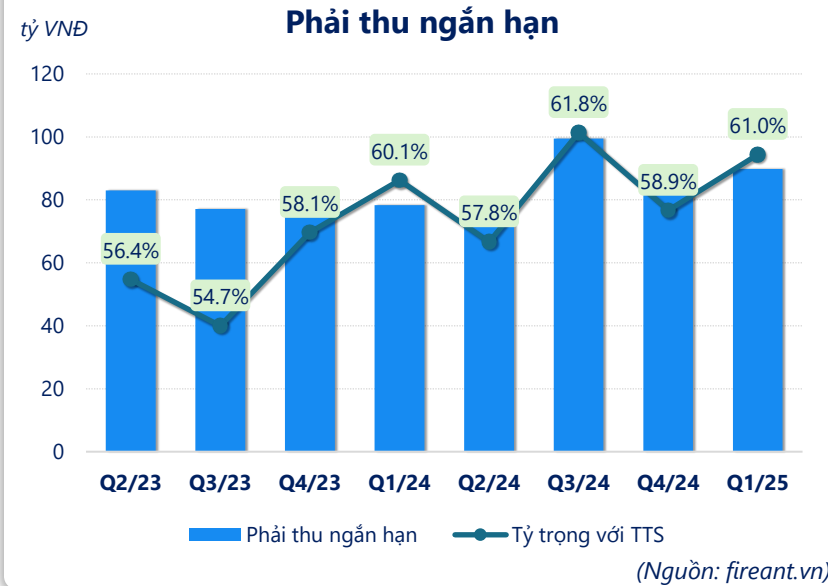
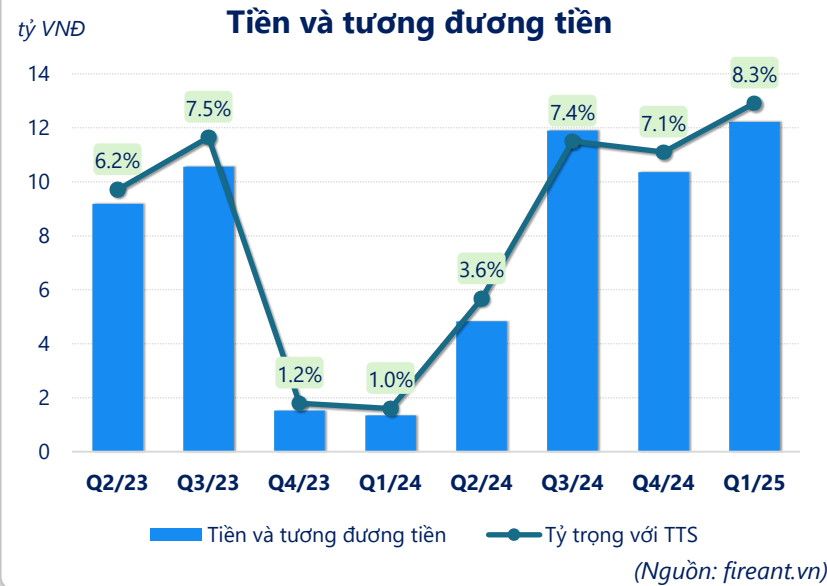
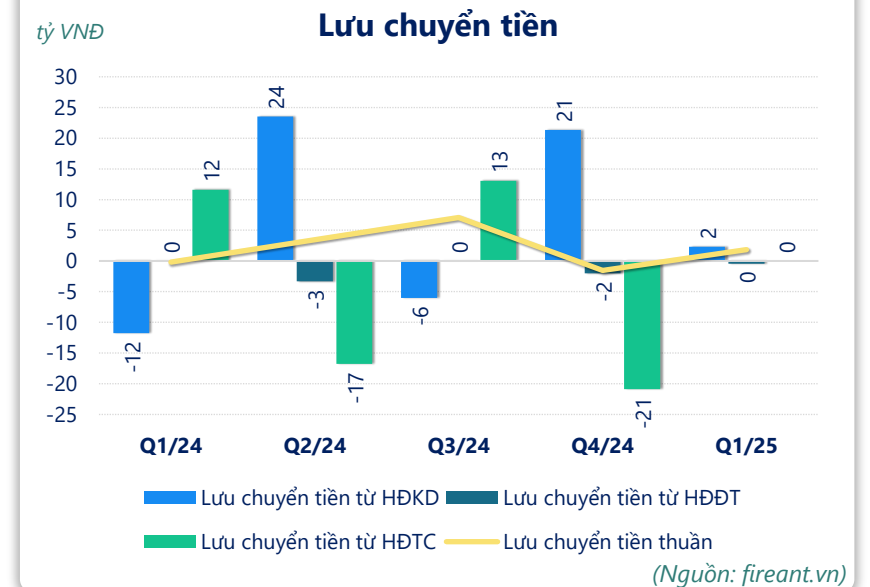
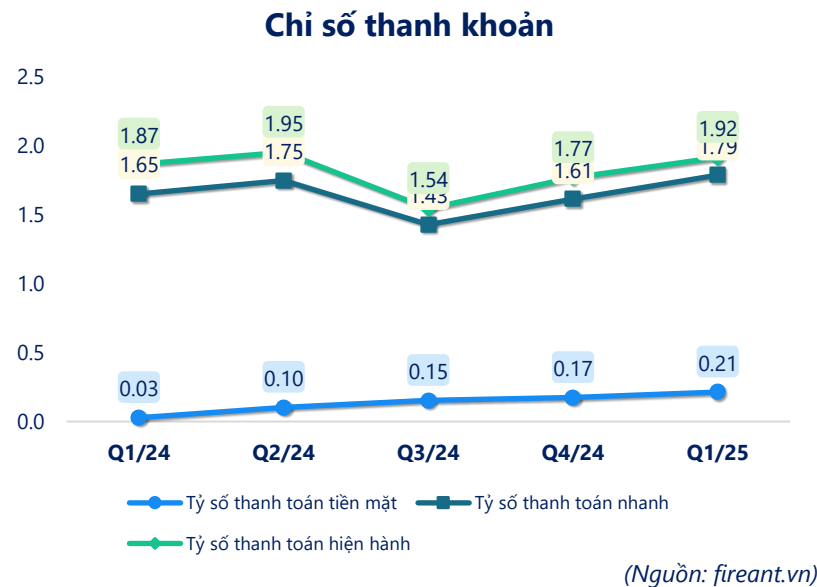
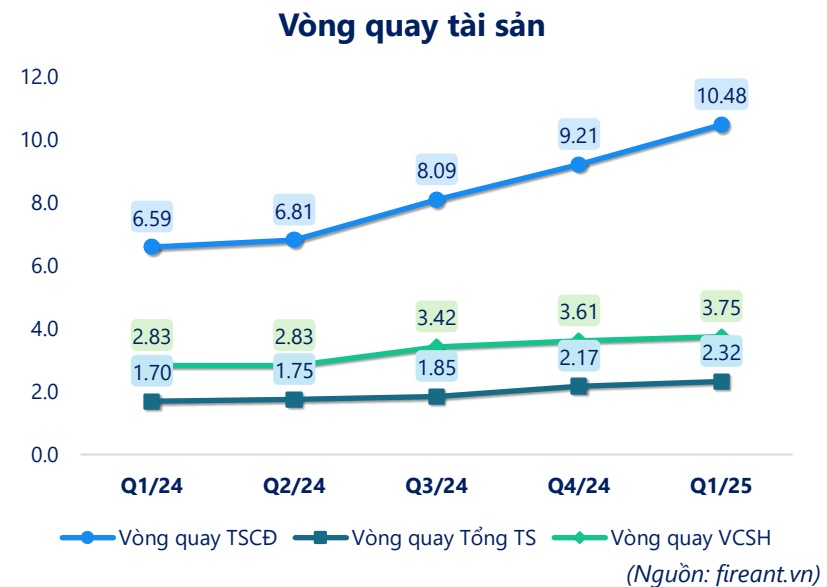
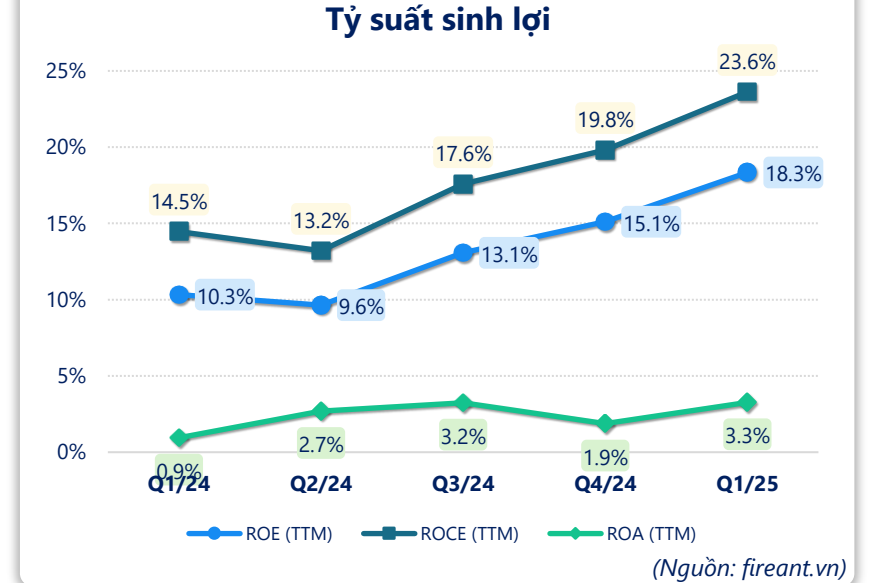
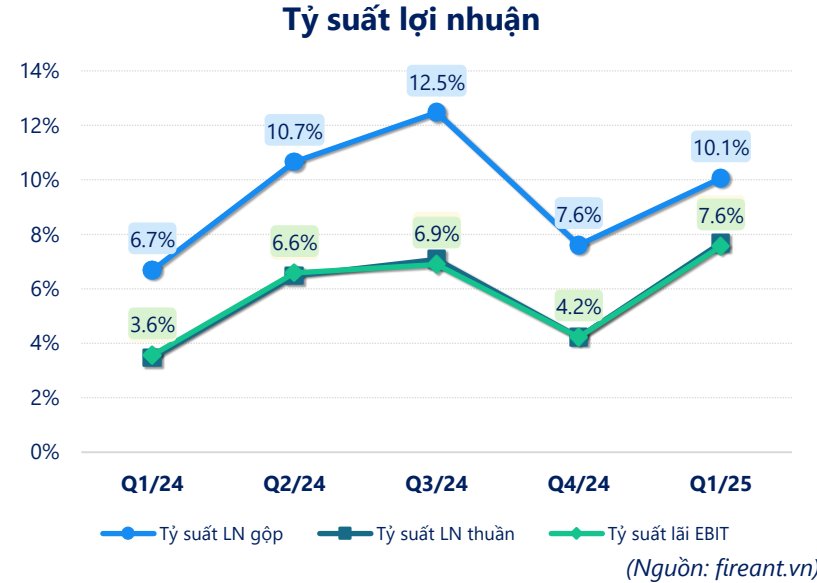
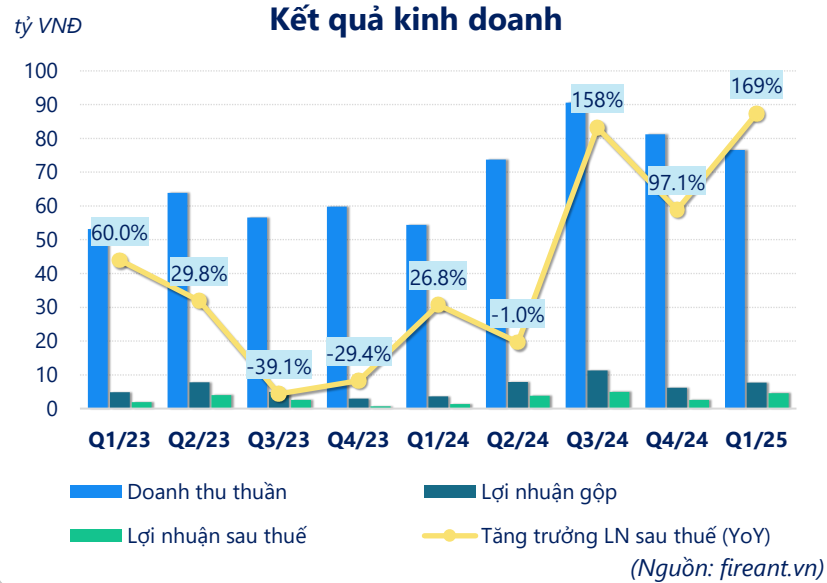


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,629
SL cổ phiếu LH		6,518,547
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,915
% sở hữu nước ngoài		13.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		91
P/E		5.8
EPS		2,420

	YTD	1T	3T	6T
HCC	10.2%	6.1%	12.9%	22.8%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	147	145	1.4%
Tài sản ngắn hạn	110	106	3.7%
Tiền và tương đương tiền	12.2	10.4	18.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	89.8	85.6	4.9%
Hàng tồn kho	7.36	9.26	-20.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.22	0.50	-56.9%
Tài sản dài hạn	37.6	39.5	-4.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	29.5	30.9	-4.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.35	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.81	1.89	-4.5%
Tài sản dài hạn khác	6.29	6.33	-0.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	57.2	59.8	-4.3%
Nợ ngắn hạn	57.2	59.8	-4.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	51.2	51.8	-1.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	90.0	85.4	5.3%
Vốn chủ sở hữu	90.0	85.4	5.3%
Vốn điều lệ	65.2	65.2	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	54.4	73.8	90.6	81.2	76.6
Giá vốn hàng bán	50.7	65.9	79.3	75.1	68.9
Lợi nhuận gộp	3.63	7.87	11.3	6.18	7.70
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.02	0.00
Chi phí TC	0.28	0.27	0.16	-0.27	0.16
Chi phí lãi vay	0.19	0.18	0.07	0.14	0.08
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.46	2.82	4.73	3.04	1.66
LN thuần từ HĐKD	1.89	4.78	6.42	3.43	5.88
Lợi nhuận khác	-0.13	-0.10	-0.24	-0.15	-0.17
LN trước thuế	1.75	4.68	6.18	3.29	5.71
Lợi nhuận sau thuế	1.31	3.77	4.89	2.58	4.53
LNST của CĐ cty mẹ	1.31	3.77	4.89	2.58	4.53

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-11.7	23.5	-6.03	21.4	2.29
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-3.31	0.05	-2.03	-0.43
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	11.6	-16.7	13.1	-20.9	0
Tiền đầu kỳ	1.52	1.34	4.83	11.9	10.4
Lưu chuyển tiền thuần	-0.18	3.49	7.08	-1.54	1.86
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.34	4.83	11.9	10.4	12.2

(Nguồn: fireant.vn)